TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 2 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 2 · Đề số 38

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 30 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm trong dãy: 91, 81, 71, ……, 51, 41

A. 62 **B.** 71 **C.** 60 **D.** 61

Câu 2. *(0,5 điểm)* Số tròn chục lớn nhất bé hơn 76 là:

A. 60 **B.** 70 **C.** 80 **D.** 75

Câu 3. *(0,5 điểm)* Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 32 + 12 − 25 …… 78 − 17 − 39

A. > **B.** < **C.** =

Câu 4. *(0,5 điểm)* Thùng thứ nhất có 70 l nước, thùng thứ hai có 54 l nước. Thùng thứ nhất nhiều hơn thùng thứ hai số lít nước là:

A. 17 l **B.** 15 l **C.** 16 l **D.** 26 l

Câu 5. *(0,5 điểm)* Trong phép trừ 54 − 19 = 35, số 19 được gọi là:

A. số hạng **B.** số bị trừ **C.** số trừ **D.** hiệu

Câu 6. *(0,5 điểm)* Đồng hồ bên chỉ mấy giờ?



A. 4 giờ 30 phút **B.** 3 giờ 30 phút

C. 2 giờ 30 phút **D.** 3 giờ 15 phút

Câu 7. *(0,5 điểm)* 6 dm + 36 cm = …… cm

A. 96 **B.** 95 **C.** 42 **D.** 106

Câu 8. *(0,5 điểm)* Độ dài đường gấp khúc ABCDE là:

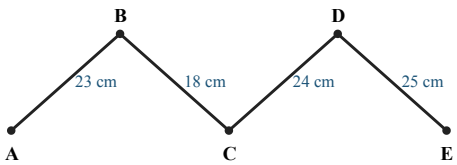

A. 100 cm **B.** 80 cm **C.** 65 cm **D.** 90 cm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 3 chục và 8 đơn vị là: ……

b) Số tròn chục liền sau số 38 là: ……

c) Số lớn nhất có hai chữ số mà tổng hai chữ số bằng 14 là: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 20 + 13 + 8 …… 34 − 16 + 24

b) 63 + 8 − 14 …… 39 + 14 + 5

c) 37 + 14 − 19 …… 31

d) 8 dm …… 84 cm

Câu 11. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 76 − 22 = 64	
b) Số liền sau của 67 là 66	
c) Một giờ có 60 phút	
d) Trong phép trừ 85 − 27 = 58, số 85 là số bị trừ	

Câu 12. *(1 điểm)* Quan sát hai đồng hồ rồi viết vào chỗ chấm:





a) Đồng hồ thứ nhất chỉ …… giờ …… phút

b) Đồng hồ thứ hai chỉ …… giờ …… phút

Câu 13. *(1 điểm)* Quan sát hình vẽ rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

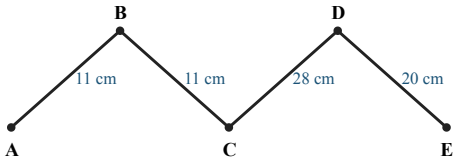

a) Độ dài đường gấp khúc ABCDE là: …… cm

b) Đổi ra đề-xi-mét: …… dm

Câu 14. *(1 điểm)* Thùng thứ nhất có 36 l nước mắm, thùng thứ hai có nhiều hơn thùng thứ nhất 13 l. Hỏi cả hai thùng có bao nhiêu lít nước mắm?

a) Thùng thứ hai có: …… l

b) Cả hai thùng có: …… l

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 2 · Đề số 38

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	B	B	C	C	B	A	D

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 38

b) 40

c) 95 (9 + 5 = 14)

Câu 10.

a) 41 < 42

b) 57 < 58

c) 32 > 31

d) 80 cm < 84 cm

Câu 11.

a) S; b) S; c) Đ; d) Đ

Câu 12.

a) 2 giờ 30 phút (hay 2 giờ rưỡi)

b) 6 giờ 15 phút

Câu 13.

a) 11 + 11 + 28 + 20 = 70 (cm)

b) 70 cm = 7 dm

Câu 14.

Thùng thứ hai: 36 + 13 = 49 (l)

Cả hai thùng: 36 + 49 = 85 (l)